

**CÔNG TY TNHH GIA HÂN KINH BẮC**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH GIA HÂN KINH BẮC

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 2400880063

**3. Ngày thành lập:** 30/12/2019

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Thôn An Mỹ, Thị Trấn Vôi, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Điện thoại: 0832 750 333

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                | Mã ngành |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Sản xuất sản phẩm dầu mỡ tinh chế                                                        | 1920     |
| 2.  | Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại                                         | 2591     |
| 3.  | Thu gom rác thải không độc hại                                                           | 3811     |
| 4.  | Thu gom rác thải độc hại                                                                 | 3812     |
| 5.  | Tái chế phế liệu                                                                         | 3830     |
| 6.  | Xây dựng nhà để ở                                                                        | 4101     |
| 7.  | Xây dựng nhà không để ở                                                                  | 4102     |
| 8.  | Xây dựng công trình đường sắt                                                            | 4211     |
| 9.  | Xây dựng công trình đường bộ                                                             | 4212     |
| 10. | Xây dựng công trình điện                                                                 | 4221     |
| 11. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                      | 4222     |
| 12. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                       | 4223     |
| 13. | Xây dựng công trình công ích khác                                                        | 4229     |
| 14. | Xây dựng công trình thủy                                                                 | 4291     |
| 15. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                          | 4292     |
| 16. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                    | 4293     |
| 17. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                               | 4299     |
| 18. | Phá dỡ                                                                                   | 4311     |
| 19. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                        | 4312     |
| 20. | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác<br>(Không bao gồm hoạt động đầu giá tài sản)         | 4511     |
| 21. | Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)<br>(Không bao gồm hoạt động đầu giá tài sản) | 4512     |
| 22. | Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác                                           | 4520     |

|     |                                                                                                                 |             |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 23. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác<br>(Không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản) | 4530        |
| 24. | Bán mô tô, xe máy<br>(Không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản)                                                  | 4541        |
| 25. | Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy                                                                             | 4542        |
| 26. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy<br>(Không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản)              | 4543        |
| 27. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>(Không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản)                                 | 4610        |
| 28. | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống                                          | 4620        |
| 29. | Bán buôn thực phẩm                                                                                              | 4632        |
| 30. | Bán buôn đồ uống                                                                                                | 4633        |
| 31. | Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào                                                                           | 4634        |
| 32. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                 | 4659        |
| 33. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại                                                                             | 4662        |
| 34. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                         | 4663        |
| 35. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                                                               | 4669(Chính) |
| 36. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh                                                        | 4773        |
| 37. | Vận tải hành khách đường bộ khác                                                                                | 4932        |
| 38. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải                                                             | 5229        |
| 39. | Chuyển phát                                                                                                     | 5320        |
| 40. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                  | 7410        |
| 41. | Điều hành tua du lịch                                                                                           | 7912        |
| 42. | Dịch vụ đóng gói                                                                                                | 8292        |
| 43. | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu                                                                            | 8559        |

**6. Vốn điều lệ:** 8.800.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên:

Giới tính:

Sinh ngày:

Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: HOÀNG VĂN TUYỀN

Giới tính: Nam

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 18/11/1988

Dân tộc: *Nùng*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 121819606

Ngày cấp: 09/09/2016

Nơi cấp: *Công an tỉnh Bắc Giang*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn An Mỹ, Thị Trấn Vôi, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Thôn An Mỹ, Thị Trấn Vôi, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Giang